

MỘT SỐ VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ CÁC NGÀNH DỊCH VỤ

Bài 40

VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI

I – MỤC TIÊU CỦA BÀI HỌC

Sau bài học, HS cần :

1. Về kiến thức

Trình bày được sự phát triển của các ngành vận tải và các tuyến vận tải chính ở nước ta.

2. Về kĩ năng

- Đọc bản đồ Giao thông Việt Nam.
- Khai thác kiến thức trong Atlas Địa lí Việt Nam.

II – CÁC PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Bản đồ Giao thông Việt Nam.
- Atlas Địa lí Việt Nam.

III – MỘT SỐ ĐIỂM CẦN LƯU Ý

– Nước ta có những điều kiện tự nhiên (địa hình, sông ngòi), vị trí và hình dạng lãnh thổ, điều kiện kinh tế – xã hội (kinh tế, văn hoá, xã hội và nhất là sự đổi mới trong đường lối chính sách) thuận lợi cho sự phát triển giao thông vận tải. Tuy nhiên, sự phát triển giao thông vận tải cũng gặp không ít khó khăn, trở ngại (đặc biệt là về địa hình, trình độ kĩ thuật và vốn đầu tư).

– Nước ta có mạng lưới giao thông vận tải phát triển khá toàn diện, gồm nhiều loại hình vận tải khác nhau. Mỗi loại hình vận tải có những đặc điểm riêng về cơ sở vật chất kĩ thuật, sự phân bố và có vai trò riêng đối với sự phát triển kinh tế – xã hội.

IV – TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Đề vào bài, GV có thể yêu cầu HS nhắc lại các kiến thức đã học ở lớp 10 về vai trò của giao thông vận tải đối với sự phát triển kinh tế – xã hội nói chung. Ví dụ :

– Giao thông vận tải giúp cho các quá trình sản xuất và việc đi lại của nhân dân được diễn ra liên tục, thuận tiện.

– Các mối liên hệ kinh tế – xã hội giữa các địa phương được thực hiện nhờ giao thông vận tải, do đó tính thống nhất của nền kinh tế – xã hội được củng cố.

– Giao thông vận tải làm tăng cường sức mạnh quốc phòng của đất nước và tạo nên mối giao lưu kinh tế – xã hội với các nước khác trên thế giới.

Từ đó, GV rút ra kết luận : Việc phát triển giao thông vận tải là một nhu cầu cấp thiết trong thời kì Đổi mới ở nước ta.

Mạng lưới giao thông vận tải của nước ta phát triển khá toàn diện, gồm nhiều loại hình vận tải khác nhau.

– GV lưu ý HS, các loại hình giao thông vận tải chủ yếu của thế giới là : đường bộ, đường sắt, đường sông, đường biển, đường hàng không, đường ống ; Việt Nam có đủ các loại hình đó.

– Các loại hình vận tải đều được trình bày theo một trình tự gồm 2 phần : cơ sở vật chất kĩ thuật của ngành và các tuyến đường chính. GV có thể chia lớp thành nhiều nhóm, mỗi nhóm nghiên cứu về một hoặc hai loại hình giao thông vận tải, sau đó đại diện của nhóm lên trình bày trước lớp.

+ Khi trình bày về sự phát triển của ngành, cần nêu bật được cả những thành tựu và những hạn chế.

Các bảng số liệu trong bài cho ta thấy, tất cả các ngành giao thông vận tải đều có sự gia tăng về khối lượng vận chuyển, luân chuyển hàng hoá và hành khách. Tuy nhiên, trong bối cảnh nước ta đang hội nhập với kinh tế thế giới thì các ngành vận tải đường hàng không và đường biển có tốc độ gia tăng nhanh hơn.

+ Khi trình bày về các tuyến đường chính, cần xác định được các tuyến đường đó trên bản đồ và nêu được vai trò của các tuyến trọng yếu đối với sự phát triển kinh tế – xã hội của toàn quốc hay của vùng.

– Do điều kiện thời gian trên lớp hạn chế nên việc phân tích vai trò và cơ cấu vận chuyển, luân chuyển hàng khách và hàng hoá của các ngành giao thông vận tải

được đưa vào phần câu hỏi và bài tập. GV yêu cầu HS thực hiện bài tập này ở nhà, lưu ý HS phân tích một số điểm sau đây :

+ Nhận xét cơ cấu vận chuyển, luân chuyển hành khách và hàng hoá của ngành giao thông vận tải.

+ Dựa vào cơ cấu vận chuyển, luân chuyển hành khách và hàng hoá, nêu nhận xét về vai trò của từng loại hình vận tải trong việc phát triển kinh tế – xã hội nước ta.

V – THÔNG TIN BỔ SUNG

Triển vọng hội nhập vào hệ thống đường bộ trong khu vực

Hiện nay có 4 hệ thống đường bộ trong khu vực là : hệ thống đường bộ xuyên Á, hệ thống đường bộ các nước ASEAN, hệ thống đường bộ Tiểu vùng Mê Công và các tuyến hành lang đường bộ Đông – Tây. Các hệ thống đường này đang được nghiên cứu và triển khai, một số tuyến đã được nâng cấp. Có những tuyến mới là các dự kiến ban đầu. Việt Nam có các tuyến sau đây :

Trong hệ thống đường bộ xuyên Á :

– Tuyến A1 : Phnôm Pênh – cửa khẩu Mộc Bài (quốc lộ 22) – TP Hồ Chí Minh (quốc lộ 1) – Hà Nội (quốc lộ 5) – Hải Phòng. Tuyến này ở Việt Nam trùng với tuyến ASEAN 1.

– Tuyến A13 : Bắc Lào – cửa khẩu Tây Trang (quốc lộ 6) – Hà Nội. Tuyến này ở Việt Nam trùng với tuyến ASEAN 5.

– Tuyến A15 : Trung Lào – cửa khẩu Cầu Treo (quốc lộ 8) – Bãi Vọt (quốc lộ 1) – Vinh (quốc lộ 46) – cảng Cửa Lò. Tuyến này ở Việt Nam trùng với tuyến ASEAN 7.

– Tuyến A17 : Phnôm Pênh – cửa khẩu Mộc Bài (quốc lộ 22) – TP Hồ Chí Minh (quốc lộ 13) – Chơn Thành (quốc lộ 14) – Thanh Mỹ, Quảng Nam (quốc lộ 14B) – Đà Nẵng.

Trong hệ thống đường bộ các nước ASEAN :

– Tuyến ASEAN 1 : Ấn Độ – Yangon (Mianma) – Băng Cốc (Thái Lan) – Phnôm Pênh (Campuchia) – TP Hồ Chí Minh – Hà Nội – Hải Phòng.

– Tuyến ASEAN 13 : Hà Nội – cửa khẩu Tây Trang – Nakhon Sawan (Thái Lan).

– Tuyến ASEAN 15 : Cảng Cửa Lò – theo quốc lộ 46, quốc lộ 1, quốc lộ 8 – Thà Khết (Lào) – Udon Thani (Thái Lan).

– Tuyến ASEAN 120 : Tak (Thái Lan) – Xavannakhet (Lào) – cửa khẩu Lao Bảo – Đông Hà – Cửa Việt.

– Tuyến ASEAN 17 : TP Hồ Chí Minh – Tây Nguyên (quốc lộ 13, quốc lộ 14) đến Thanh Mỹ, theo quốc lộ 14B về cảng Đà Nẵng.

– Tuyến ASEAN 131 : từ cảng Vũng Áng theo quốc lộ 12 đến Mụ Giạ sang Thà Khẹt (Lào).

– Tuyến ASEAN 132 : từ cảng Dung Quất theo quốc lộ 1 về Thạch Trụ rồi theo quốc lộ 24 về KonTum, quốc lộ 24 và quốc lộ 40 về cửa khẩu Bờ Y sang Pắc Xế (Lào).

– Tuyến ASEAN 130 : Hà Nội – Lào Cai – Côn Minh (Trung Quốc).

Trong hệ thống đường bộ Tiểu vùng Mê Công :

– Tuyến R5 : Hà Nội – Lào Cai – Côn Minh (Trung Quốc).

– Tuyến R6 : Hà Nội – cửa khẩu Tây Trang.

– Tuyến R2 có quốc lộ 8, quốc lộ 9, quốc lộ 14, quốc lộ 24.

– Tuyến R9 có quốc lộ 14B.

– Tuyến R9 – R10 có quốc lộ 19.

– Tuyến R1 có quốc lộ 22 và quốc lộ 51.

Trong các tuyến hành lang đường bộ Đông – Tây có các tuyến quốc lộ 7, 8, 9, 12 và tuyến quốc lộ 40 + 14 + 14B.